

BÁO CÁO THẨM TRA
Của Ban Pháp chế HĐND tỉnh về các dự thảo nghị quyết
trình tại kỳ họp thứ ba HĐND tỉnh khóa IX

Thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh, Ban Pháp chế HĐND tỉnh đã thẩm tra 09 dự thảo nghị quyết trình tại kỳ họp thứ ba HĐND tỉnh khoá IX. Trên cơ sở nội dung các tờ trình và dự thảo nghị quyết, sau khi xem xét tình hình thực tế, đối chiếu các quy định của pháp luật, Ban Pháp chế báo cáo HĐND tỉnh ý kiến thẩm tra về từng dự thảo nghị quyết như sau:

1. Hai dự thảo nghị quyết về việc thông qua Đề án đề nghị công nhận thị xã Dĩ An, thị xã Thuận An là đô thị loại III, trực thuộc tỉnh Bình Dương

a) Về thẩm quyền thông qua

Theo quy định tại Điều c Khoản 3 Điều 19 Luật tổ chức chính quyền địa phương, HĐND tỉnh có thẩm quyền “quyết định quy hoạch đô thị trong phạm vi được phân quyền”; tại Khoản 3 Điều 13 Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định: Đề án phân loại đô thị loại III trình Bộ Xây dựng thẩm định gồm có tờ trình của Ủy ban nhân dân và nghị quyết của Hội đồng nhân dân có thẩm quyền; đề án phân loại đô thị; các văn bản pháp lý có liên quan.

Như vậy, việc HĐND tỉnh xem xét thông qua hai nghị quyết về Đề án đề nghị công nhận đô thị loại III đối với thị xã Dĩ An, thị xã Thuận An là thủ tục cần thiết và đúng thẩm quyền quy định.

b) Về nội dung hai nghị quyết:

Việc đề nghị công nhận thị xã Dĩ An, thị xã Thuận An là đô thị loại III là hoàn toàn phù hợp với Quyết định số 893/QĐ-TTg ngày 11/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Dương đến năm 2020, bổ sung quy hoạch đến năm 2025; Quyết định số 1701/QĐ-UBND ngày 26/6/2012 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xây dựng đô thị Bình Dương đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Quyết định số 2481/QĐ-UBND ngày 23/6/2009 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xây dựng đô thị Dĩ An đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Quyết định số 1071/QĐ-UBND ngày 12/4/2010 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xây dựng đô thị Thuận An đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

** Xét về tình hình phát triển thực tế:*

Từ năm 2010, Dĩ An và Thuận An đã được công nhận là đô thị loại IV. Đến nay, sau hơn 5 năm đầu tư xây dựng và phát triển, cả Dĩ An và Thuận An đều đạt được những bước tiến mạnh mẽ, tốc độ đô thị hoá nhanh, kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội được đầu tư nâng cấp đồng bộ theo hướng văn minh hiện đại; đời sống nhân dân từng bước được nâng cao... khẳng định vị trí kinh tế, văn hóa, dịch vụ, đầu mối giao thông, giao lưu trong tỉnh; có vai trò quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh. Những kết quả này đã được thể hiện khá rõ trong tờ trình của UBND tỉnh và nội dung của hai Đề án.

** Xét về hiện trạng đô thị:* đối chiếu với các tiêu chuẩn của các tiêu chí phân loại đô thị theo quy định của Nghị quyết 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Ban Pháp chế nhận thấy thị xã Dĩ An và Thuận An đã cơ bản đạt được các tiêu chuẩn của đô thị loại III, trực thuộc tỉnh.

- Dĩ An: tổng số điểm đạt được là 90,11 điểm/100 điểm. Cụ thể:

+ Tiêu chí 1 (về vị trí, chức năng, vai trò, cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội) đạt 18,75 điểm (*mức điểm quy định là 15 – 20 điểm*);

+ Tiêu chí 2 (về quy mô dân số) đạt 8,0 điểm (*mức điểm quy định là 6 – 8 điểm*);

+ Tiêu chí 3 (về mật độ dân số) đạt 6,0 điểm (*mức điểm quy định là 4,5 – 6 điểm*);

+ Tiêu chí 4 (về tỷ lệ lao động phi nông nghiệp) đạt 6,0 điểm (*mức điểm quy định là 4,5 – 6 điểm*);

+ Tiêu chí 5 (về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan đô thị) đạt 51,36 điểm (*mức điểm quy định là 45 – 60 điểm*).

- Thuận An: tổng số điểm đạt được là 89,09 điểm/100 điểm. Cụ thể:

+ Tiêu chí 1 đạt 18,75 điểm;

+ Tiêu chí 2 đạt 8,0 điểm;

+ Tiêu chí 3 đạt 5,64 điểm;

+ Tiêu chí 4 đạt 6,0 điểm;

+ Tiêu chí 5 đạt 50,7 điểm.

Căn cứ vào quy định tại Khoản 3 Điều 10 Nghị quyết 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội “**đô thị được công nhận phân loại đô thị khi các tiêu chí đạt mức tối thiểu và tổng số điểm của các tiêu chí đạt từ 75 điểm trở lên**”, như vậy, thị xã Dĩ An (đạt 90,11 điểm), thị xã Thuận An (đạt 89,09 điểm), trong đó tất cả các tiêu chí đều vượt mức điểm tối thiểu, một vài tiêu chí còn đạt mức tối đa, cho nên hoàn toàn đủ điều kiện để được đề nghị công nhận là đô thị loại III. Do đó, Ban Pháp chế thống nhất với UBND trình HĐND tỉnh xem xét thông qua hai Đề án này nhằm đảm bảo đủ điều kiện cần thiết để trình Bộ Xây dựng công nhận thị xã Dĩ An và thị xã Thuận An là đô thị loại III, trực thuộc tỉnh Bình Dương.

Bên cạnh đó, Ban Pháp chế cũng đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo Dĩ An và Thuận An tiếp tục phấn đấu, khắc phục, hoàn thiện các tiêu chuẩn còn chưa đạt hoặc đạt ở mức thấp để nâng cao tỷ lệ trong quá trình nâng cấp đô thị, qua đó, phát huy được vai trò là hạt nhân thúc đẩy nhanh quá trình đô thị hóa trên địa bàn tỉnh.

2. Dự thảo nghị quyết về biên chế công chức, biên chế sự nghiệp văn hóa thông tin – thể dục thể thao và sự nghiệp khác tỉnh Bình Dương năm 2017

a. Về thẩm quyền thông qua

Theo quy định pháp luật về quản lý biên chế, “*Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền quyết định giao biên chế công chức cấp tỉnh, cấp huyện trong số biên chế công chức được cấp có thẩm quyền giao*”; và “*quyết định phê duyệt tổng số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập*”. Như vậy, việc HĐND tỉnh xem xét thông qua Nghị quyết phê duyệt biên chế công chức, biên chế sự nghiệp tỉnh Bình Dương là đúng thẩm quyền pháp luật đã quy định.

Riêng đối với biên chế sự nghiệp, tại kỳ họp thứ hai, HĐND tỉnh đã phê duyệt biên chế sự nghiệp giáo dục – đào tạo và dạy nghề năm học 2016 - 2017 và sự nghiệp y tế năm 2017, do đó, tại kỳ họp này, HĐND tỉnh chỉ xem xét phê duyệt số lượng biên chế của sự nghiệp văn hóa thông tin – thể dục thể thao và sự nghiệp khác.

b. Về nội dung dự thảo nghị quyết

*** Về số lượng biên chế công chức:**

Năm 2016, tổng số biên chế công chức của tỉnh là 2.629 chỉ tiêu, gồm 1.951 biên chế được Trung ương giao và 678 chỉ tiêu địa phương. Đến tháng 4/2016, giảm 05 biên chế do điều chuyển từ Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội về Văn phòng Quốc hội theo quy định.

Ngày 25/10/2016, Bộ Nội vụ đã ban hành Quyết định số 3925/QĐ-BNV giao chỉ tiêu biên chế công chức năm 2017 của tỉnh Bình Dương là 1.921 biên chế, giảm 30 chỉ tiêu so với năm 2016.

Căn cứ vào tình hình thực hiện biên chế công chức năm 2016 và chỉ tiêu biên chế năm 2017 đã được Bộ Nội vụ giao, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch biên chế trình HĐND thông qua với tổng biên chế công chức là 2.582 chỉ tiêu, gồm 1.921 biên chế và 661 chỉ tiêu địa phương (giảm 42 chỉ tiêu so với năm 2016).

Qua xem xét, Ban Pháp chế nhận thấy kế hoạch biên chế công chức năm 2017 như vậy là phù hợp với tinh thần Nghị quyết 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đồng thời vẫn tạo điều kiện để các cơ quan cơ bản đủ nguồn nhân lực để thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Do đó, Ban Pháp chế thống nhất với kế hoạch biên chế công chức năm 2017 trình HĐND tỉnh thông qua.

Trong quá trình điều hành thực hiện, Ban đề nghị UBND tỉnh quan tâm hơn nữa đến kết quả thực hiện lộ trình tinh giản biên chế. Hiện nay, Đề án tinh giản biên

chế tỉnh Bình Dương giai đoạn 2015 – 2021 đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt, do đó, đề nghị UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo các cơ quan hành chính cấp tỉnh, cấp huyện nghiêm túc thực hiện đúng theo lộ trình, để đến năm 2021, tỷ lệ tỉnh giảm tối thiểu phải bằng 10% biên chế được Trung ương và HĐND tỉnh giao năm 2015.

*** Về số lượng biên chế sự nghiệp:**

Qua xem xét, Ban Pháp chế nhận thấy số biên chế sự nghiệp văn hóa thông tin – thể dục thể thao và sự nghiệp khác tỉnh Bình Dương năm 2017 đều giảm so với năm 2016, cụ thể: biên chế sự nghiệp văn hóa thông tin – thể dục thể thao giảm 287 chỉ tiêu (tỷ lệ 48,39%); sự nghiệp khác giảm 160 chỉ tiêu (tỷ lệ 14,7%). Việc dự phòng 100 chỉ tiêu từ số biên chế tỉnh giảm của các đơn vị sự nghiệp cũng phù hợp với quy định của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ.

Vì vậy, Ban thống nhất với đề nghị thông qua số biên chế sự nghiệp như trong dự thảo nghị quyết.

3. Dự thảo nghị quyết về việc bãi bỏ quy định đóng góp quỹ quốc phòng – an ninh ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bình Dương

Năm 2011, trên cơ sở Nghị định số 58/2010/NĐ-CP ngày 01/6/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Dân quân tự vệ, tại kỳ họp thứ ba, HĐND tỉnh khóa VIII đã ban hành Nghị quyết số 63/2011/NQ-HĐND về việc phê chuẩn quy định đối tượng đóng góp, mức đóng góp quỹ quốc phòng - an ninh ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Hiện nay, Nghị định số 58/2010/NĐ-CP đã được thay thế bằng Nghị định số 03/2016/NĐ-CP ngày 05/01/2016 của Chính phủ, trong đó, không còn quy định về Quỹ quốc phòng an ninh như trong Nghị định số 58/2010/NĐ-CP. Bộ Quốc phòng cũng đã ban hành Thông tư số 33/2016/TT-BQP ngày 29/3/2016, tại Mục 16 phần II quy định rõ: “*Không tổ chức thu quỹ quốc phòng và an ninh*”.

Căn cứ những quy định nêu trên, HĐND tỉnh nhất thiết phải ban hành Nghị quyết bãi bỏ quy định về đóng góp quỹ quốc phòng - an ninh mà trước đây HĐND tỉnh đã thông qua tại Nghị quyết số 63/2011/NQ-HĐND. Vì vậy, Ban Pháp chế hoàn toàn thống nhất với đề nghị thông qua Nghị quyết này.

4. Dự thảo nghị quyết về việc quy định tặng thưởng huy hiệu “Vì sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Bình Dương”

a. Về thẩm quyền thông qua

Theo quy định tại Khoản 37 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng, HĐND tỉnh có thẩm quyền quy định tên huy hiệu, đối tượng và tiêu chuẩn tặng huy hiệu. Như vậy, việc HĐND tỉnh xem xét thông qua Nghị quyết này là đúng thẩm quyền luật định.

b. Về nội dung dự thảo nghị quyết

- Về tên gọi huy hiệu:

Theo quy định, “Huy hiệu đề tặng cho cá nhân có đóng góp vào quá trình phát triển của tỉnh”, do đó, dự thảo nghị quyết xác định tên gọi Huy hiệu là “Vì sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Bình Dương” là hoàn toàn phù hợp.

- Về nguyên tắc xét tặng Huy hiệu:

Đề nghị sửa Điểm c Khoản 2 Điều 1 dự thảo nghị quyết như sau: “*Đối với cá nhân là nữ, đã được Chủ tịch nước khen thưởng thì khi xét tặng Huy hiệu, tiêu chuẩn về thời gian công tác được giảm 03 năm so với tiêu chuẩn quy định*”.

- Về đối tượng và tiêu chuẩn xét tặng Huy hiệu:

+ Đối với các cá nhân đảm nhận các chức danh của HĐND tỉnh, HĐND cấp huyện: dự thảo nghị quyết chỉ xác định 02 chức danh là Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND (theo quy định của Luật tổ chức chính quyền địa phương hiện hành), tuy nhiên, theo quy định của Luật tổ chức HĐND và UBND trước đây còn có chức danh Ủy viên thường trực HĐND (tương ứng với chức danh Phó Chủ tịch HĐND theo quy định hiện nay). Do đó, đề nghị bổ sung thêm đối tượng là Ủy viên thường trực HĐND.

+ Đối với đối tượng quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 1 dự thảo nghị quyết: đề nghị sửa lại như sau: “*cá nhân có thời gian công tác từ 20 năm trở lên tại tỉnh Bình Dương (và/hoặc tại tỉnh Sông Bé cũ), trong thời gian công tác luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao và từng đảm nhận một trong các chức vụ...*”

+ Điểm e Khoản 3 Điều 1 dự thảo nghị quyết quy định: “*cá nhân là người ngoài tỉnh có đóng góp to lớn vào sự nghiệp xây dựng và phát triển của tỉnh hoặc có các công trình khoa học, đề tài, sáng kiến, tác phẩm... đã tích cực phổ biến và chuyển giao áp dụng có hiệu quả trên các lĩnh vực đối với tỉnh Bình Dương*”. Đề nghị tách quy định này thành hai Điểm, cụ thể:

“*e. Cá nhân là người ngoài tỉnh có đóng góp to lớn vào sự nghiệp xây dựng và phát triển của tỉnh;*

g. Cá nhân có các công trình khoa học, đề tài, sáng kiến, tác phẩm... đã được phổ biến và chuyển giao áp dụng có hiệu quả trên các lĩnh vực đối với tỉnh Bình Dương”.

+ Đối với đối tượng quy định tại Điểm i Khoản 3 Điều 1: dự thảo nghị quyết chỉ quy định “tổ dân phố” là chưa đầy đủ. Đề nghị bổ sung thêm đối tượng “tổ nhân dân tự quản” vì được tổ chức và hoạt động như nhau, chỉ khác nhau về tên gọi (tổ dân phố ở phường và tổ nhân dân tự quản ở xã).

- Về mức tiền thưởng:

Dự thảo nghị quyết đề nghị mức tiền thưởng là 3 lần mức lương cơ sở. Qua xem xét, Ban Pháp chế nhận thấy pháp luật không có quy định cụ thể về tiền thưởng đối với Huy hiệu, cho nên đây là quy định đặc thù của tỉnh. Tuy nhiên, mức tiền thưởng này cần được xác định một cách tương thích với mức tiền thưởng của các hình thức khen thưởng đã được pháp luật quy định. Cụ thể như: Bằng khen

của Thủ tướng Chính phủ được thưởng 1,5 lần mức lương cơ sở; Huy chương các loại (như Huy chương quân kỳ quyết thắng, Huy chương vì an ninh Tổ Quốc, Huy chương chiến sỹ vẻ vang) được thưởng 1,5 lần; Kỷ niệm chương của Bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương được thưởng không quá 0,6 lần. Trên cơ sở tham khảo những mức tiền thưởng được pháp luật thi đua khen thưởng quy định, Ban Pháp chế đề nghị giảm mức tiền thưởng đối với Huy hiệu của tỉnh còn 1,5 lần mức lương cơ sở thì phù hợp hơn.

5. Dự thảo nghị quyết về việc thông qua quy định một số chế độ, định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của HĐND các cấp tỉnh Bình Dương

a. Về thẩm quyền thông qua

Theo quy định của Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, HĐND tỉnh có thẩm quyền “*quyết định, tổ chức thực hiện chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo hoạt động của đại biểu HĐND cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã theo quy định của pháp luật*”; “*đại biểu HĐND được cấp kinh phí hoạt động tiếp xúc cử tri, giám sát; hỗ trợ công tác phi; khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ; may lễ phục; nghiên cứu, học tập, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đại biểu do HĐND tỉnh quyết định*”. Như vậy, việc HĐND tỉnh xem xét thông qua Nghị quyết này là đúng thẩm quyền pháp luật quy định.

b. Về nội dung dự thảo nghị quyết

Ban Pháp chế cơ bản thống nhất với những nội dung trong dự thảo nghị quyết; bên cạnh đó, có một số đóng góp đề nghị HĐND tỉnh xem xét, cụ thể như sau:

- Về đối tượng áp dụng (Điều 1): đối với đối tượng là Tổ đại biểu HĐND, đề nghị ghi rõ là Tổ đại biểu HĐND cấp tỉnh, cấp huyện.

- Về mức chi cho hoạt động giám sát: dự thảo nghị quyết quy định 03 nhóm mức chi, trong đó, các mức chi cho hoạt động giám sát của Tổ đại biểu thấp hơn mức chi cho hoạt động giám sát của Thường trực, các Ban HĐND là chưa phù hợp. Theo Luật giám sát, Tổ đại biểu HĐND cấp tỉnh, cấp huyện được quy định là 01 chủ thể tiến hành hoạt động giám sát (tương tự như giám sát của Thường trực, các Ban HĐND); việc triển khai hoạt động giám sát của Tổ đại biểu cũng sẽ gặp nhiều khó khăn do không có đại biểu chuyên trách. Do vậy, Ban Pháp chế đề nghị quy định mức chi bằng nhau cho hoạt động giám sát của cả 03 chủ thể này, theo đó, ở nội dung chi cho hoạt động giám sát, chi quy định thành 02 nhóm: (1) chi cho hoạt động giám sát của HĐND; và (2) chi cho hoạt động giám sát của Thường trực, các Ban và Tổ đại biểu HĐND.

- Về mức chi cho kỳ họp HĐND: đây là hoạt động rất quan trọng của HĐND và bao gồm nhiều nội dung chi cụ thể, do đó, đề nghị tách quy định này thành một Điều riêng. Theo đó, Điều 6 trong dự thảo nghị quyết sẽ tách thành 02 Điều, cụ thể:

+ Điều 6. Chi cho kỳ họp HĐND và tổng kết nhiệm kỳ của HĐND.

+ Điều 7. Chỉ cho các phiên họp Thường trực HĐND; họp Tổ đại biểu; họp thẩm tra của các Ban HĐND; Hội nghị trao đổi kinh nghiệm giữa Thường trực HĐND tỉnh với Thường trực HĐND cấp huyện, giữa Thường trực HĐND cấp huyện với Thường trực HĐND cấp xã.

- Về nội dung chỉ soạn thảo tờ trình và dự thảo nghị quyết của Thường trực HĐND trình kỳ họp:

Nghị quyết HĐND được ban hành có 02 hình thức: nghị quyết quy phạm pháp luật và nghị quyết cá biệt. Đối với mức chỉ cho soạn thảo nghị quyết quy phạm pháp luật đã được điều chỉnh bằng Nghị quyết số 10/2012/NQ-HĐND8 ngày 18/7/2012 của HĐND tỉnh về quy định mức chi cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND các cấp trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Do đó, trong nghị quyết này, chỉ điều chỉnh đối với việc soạn thảo nghị quyết cá biệt. Cơ quan được phân công soạn thảo dự thảo nghị quyết cá biệt trình kỳ họp HĐND gồm nhiều đối tượng (Thường trực HĐND, UBMTTQ, UBND, các ngành chuyên môn tham mưu cho UBND trình). Do đó, nếu chỉ quy định mức chi cho Thường trực HĐND là chưa điều chỉnh hết.

Vì vậy, Ban đề nghị sửa nội dung này như sau: ***“Chỉ soạn thảo dự thảo nghị quyết cá biệt trình kỳ họp HĐND”***; đồng thời quy định rõ khoản chi này cơ quan, tổ chức, đơn vị soạn thảo dự thảo nghị quyết chi trả.

- Về mức chi cho hoạt động tiếp xúc cử tri: đề nghị tách nội dung quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 7 thành một điều riêng, vì đây là một nội dung độc lập, hơn nữa trong nội dung này còn có các mức chi hỗ trợ cho các điểm tiếp xúc cử tri, chỉ cho công tác soạn thảo báo cáo kết quả tiếp xúc cử tri, do đó, không thể quy định chung trong Điều 7 về chi hỗ trợ đại biểu HĐND.

- Về mức chi hỗ trợ cho các điểm tiếp xúc cử tri: đề nghị bổ sung quy định ***“kinh phí hỗ trợ tiếp xúc cử tri của cấp nào thì chi từ nguồn kinh phí hoạt động của HĐND cấp đó, trong trường hợp có sự phối hợp thì chỉ thực hiện hỗ trợ của cấp cao nhất”***. (Vì thực tế cấp tỉnh và cấp huyện thường tổ chức tiếp xúc cử tri chung).

- Về một số mức tiền cụ thể:

Có một số mức tiền quy định trong dự thảo là số lẻ, ví dụ như tiền trang phục 3.250.000 đồng/người/nhiệm kỳ; chi bồi dưỡng giám sát cho trường đoàn giám sát ở cấp xã 75.000 đồng/người/buổi; chi tiếp xúc cử tri cấp huyện 75.000 đồng/người/buổi, cấp xã 45.000 đồng/người/buổi; chi thăm hỏi, ốm đau cấp tỉnh 650.000 đồng/lần; đại biểu cấp xã có cha, mẹ, vợ, chồng, con chết được trợ cấp 900.000 đồng/lần... Đề nghị nghiên cứu làm tròn hợp lý các mức tiền theo số lẻ như vậy.

- Về mức chi đối với trường hợp bệnh hiểm nghèo: dự thảo nghị quyết đề nghị mức chi một lần tối đa không quá 4.000.000 đồng/người/lần là chưa phù hợp. Đề nghị quy định chỉ một mức trợ cấp là 4.000.000 đồng/người.

- Về mức chi cho công tác tiếp công dân: đề nghị bỏ đoạn quy định về chế độ bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức được giao nhiệm vụ tiếp công dân cùng với Thường trực, đại biểu HĐND vì không cần thiết.

- Đề nghị bổ sung quy định: “*đại biểu HĐND 02 cấp được giải quyết chế độ chi cho hoạt động của cả hai cấp*”, bởi lẽ hoạt động của mỗi cấp là hoàn toàn riêng biệt với nhau, đại biểu phải sử dụng gấp đôi thời gian và công sức cho hoạt động của cả hai cấp, do đó không thể chi hướng chế độ ở mức cao nhất.

6. Các dự thảo nghị quyết liên quan đến phí, lệ phí, bao gồm nghị quyết về bãi bỏ một số nghị quyết quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh về phí, lệ phí; nghị quyết về lệ phí hộ tịch; lệ phí đăng ký cư trú, lệ phí cấp giấy chứng minh nhân dân

Kể từ ngày 01/01/2017, Luật phí và lệ phí sẽ có hiệu lực thi hành và thay thế Pháp lệnh phí, lệ phí. Theo quy định tại Khoản 4, Điều 154 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật: “*văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực thì văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết thi hành văn bản đó cũng đồng thời hết hiệu lực*”. Như vậy, kể từ ngày Pháp lệnh phí, lệ phí hết hiệu lực thì các văn bản quy phạm pháp luật, trong đó có các Nghị quyết của HĐND tỉnh về phí và lệ phí được ban hành trên cơ sở căn cứ vào Pháp lệnh cũng sẽ đồng thời hết hiệu lực. Hiện nay, Bộ Tài chính cũng đã ban hành Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND cấp tỉnh (Thông tư sẽ có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017). Do đó, các Nghị quyết hiện hành liên quan đến phí và lệ phí do HĐND tỉnh Bình Dương ban hành cần phải được bãi bỏ hoặc ban hành nghị quyết mới để thay thế cho phù hợp với những quy định pháp luật sẽ có hiệu lực từ ngày 01/01/2017.

Vì vậy, Ban Pháp chế thống nhất cần thiết phải trình HĐND tỉnh xem xét thông qua 03 nghị quyết nêu trên.

Sau đây là ý kiến thẩm tra của Ban đối với nội dung của từng dự thảo nghị quyết:

6.1. Dự thảo nghị quyết về việc bãi bỏ một số nghị quyết quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh về phí, lệ phí

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 12 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật: “*văn bản quy phạm pháp luật chỉ được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ bằng văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan nhà nước đã ban hành văn bản đó*”. Như vậy, việc Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết về bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành là đúng thẩm quyền luật định.

Về mặt nội dung, đến ngày 01/01/2017, những nghị quyết quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh về phí, lệ phí sẽ không còn phù hợp với quy định pháp luật, do Luật phí và lệ phí có hiệu lực, có nhiều quy định mới so với Pháp lệnh. Cụ thể như: một số loại phí, lệ phí không còn thuộc thẩm quyền thông qua của HĐND tỉnh mà sẽ do Chính phủ hoặc Bộ Tài chính quy định (lệ phí chứng thực; lệ phí trước bạ đối

với ô tô chở người dưới 10 chỗ ngồi; lệ phí cấp giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô); một số loại phí chuyển sang giá dịch vụ do Nhà nước định giá (như phí vệ sinh, phí trông giữ xe, phí vận chuyển đường bộ đầu tư để kinh doanh, phí sử dụng cầu, phí sử dụng đường bộ); một số loại phí chuyển từ phí sang cơ chế giá thị trường mà Nhà nước không định giá; một số loại phí không có trong danh mục phí, lệ phí nên không thực hiện thu (như lệ phí cấp bản sao, lệ phí cấp biên số nhà, lệ phí cấp giấy phép hoạt động điện lực). Trên cơ sở rà soát, đối chiếu với những quy định mới, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh bãi bỏ 15 nghị quyết do thuộc những trường hợp nêu trên.

Qua thẩm tra nội dung của từng nghị quyết, Ban Pháp chế nhất trí với UBND tỉnh trình HĐND tỉnh bãi bỏ 15 nghị quyết này nhằm đảm bảo tính thống nhất, phù hợp với quy định pháp luật về phí và lệ phí.

6.2. Dự thảo nghị quyết về việc quy định mức thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Bình Dương

Lệ phí hộ tịch là khoản lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh. Năm 2008, HĐND tỉnh khóa VII đã ban hành Nghị quyết số 19/2008/NQ-HĐND ngày 22/7/2008 về mức thu lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Đến nay, nghị quyết này đã không còn phù hợp do đã có nhiều thay đổi trong quy định pháp luật như Luật Hộ tịch, pháp luật về phí và lệ phí, do đó, cần ban hành nghị quyết mới để thay thế cho phù hợp.

Qua thẩm tra, Ban Pháp chế nhận thấy nội dung dự thảo nghị quyết đã kế thừa các quy định hợp lý của Nghị quyết số 19/2008/NQ-HĐND (giữ nguyên các mức thu lệ phí hộ tịch theo Nghị quyết số 19/2008/NQ-HĐND); bổ sung những quy định mới cho phù hợp với Luật Hộ tịch, pháp luật về phí, lệ phí và điều kiện phát triển của địa phương (bao gồm: bổ sung mức thu đối với một số nội dung mà Nghị quyết số 19/2008/NQ-HĐND quy định miễn thu nhưng Luật Hộ tịch lại có quy định thu; quy định bổ sung mức thu đối với việc thay đổi, cải chính hộ tịch thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện). Dự thảo nghị quyết cũng đã quy định những đối tượng được miễn lệ phí phù hợp với quy định của Luật hộ tịch; đồng thời bổ sung quy định về đối tượng được giảm 50% lệ phí căn cứ theo quy định tại Điều 10 Luật phí, lệ phí.

Vì vậy, Ban Pháp chế cơ bản thống nhất với những nội dung trong dự thảo nghị quyết, đồng thời có một vài góp ý sau đây để nghị quyết rõ ràng, chính xác hơn:

- Để đảm bảo cho trích yếu nghị quyết bao hàm tất cả các nội dung quy định về đối tượng nộp lệ phí, đối tượng được miễn lệ phí, đối tượng được giảm 50% lệ phí, cơ quan thu và mức thu lệ phí, đề nghị sửa trích yếu như sau “**Nghị quyết về việc quy định chế độ thu lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Bình Dương**”.

- Về các nội dung thu lệ phí: đề nghị bỏ nội dung thu lệ phí hộ tịch đối với việc “đăng ký giám hộ” thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã vì trường hợp này thuộc đối tượng được miễn lệ phí, hơn nữa trong Thông tư số

250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính cũng không có quy định về thu lệ phí hộ tịch đối với trường hợp này (chỉ có quy định về thu lệ phí hộ tịch đối với đăng ký giám hộ, chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện). Đối với các nội dung thu liên quan đến đăng ký khai sinh, khai tử, kết hôn cũng cần quy định cụ thể hơn để các cá nhân đăng ký hộ tịch nhận biết rõ những trường hợp nào phải đóng lệ phí. Chẳng hạn như: các trường hợp đăng ký khai sinh phải thu lệ phí hộ tịch bao gồm đăng ký khai sinh không đúng hạn, đăng ký lại khai sinh, đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân; đăng ký khai tử bao gồm đăng ký khai tử không đúng hạn, đăng ký lại khai tử; đối với kết hôn thì chỉ có trường hợp đăng ký lại kết hôn là phải thu lệ phí.

6.3. Dự thảo nghị quyết về việc ban hành chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký cư trú, lệ phí cấp giấy chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Tương tự như lệ phí hộ tịch, năm 2008, HĐND tỉnh khóa VII đã ban hành Nghị quyết số 20/2008/NQ-HĐND ngày 22/7/2008 về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký cư trú, lệ phí chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Bình Dương. So với Nghị quyết số 20/2008/NQ-HĐND, dự thảo nghị quyết này kế thừa quy định về đối tượng không thu lệ phí; bổ sung quy định về cơ quan có thẩm quyền thu lệ phí đăng ký cư trú, lệ phí chứng minh nhân dân; đồng thời điều chỉnh các mức thu cụ thể. Qua thẩm tra, Ban Pháp chế nhận thấy những nội dung trong dự thảo nghị quyết là phù hợp với các quy định của pháp luật và tình hình thực tế ở địa phương, do đó, Ban nhất trí với UBND trình HĐND tỉnh xem xét thông qua nghị quyết này.

Trên đây là báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh về các dự thảo nghị quyết trình tại kỳ họp thứ ba, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX, kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Phòng Tổng hợp;
- Lưu: VT.

**TM. BAN PHÁP CHẾ
TRƯỞNG BAN**



(Signature)
Nguyễn Hoàng Châu